

Bản án số: 98 /2023/HNGĐ - ST

Ngày: 17-7-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 381/2023/HNST ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXX - ST ngày 07 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn L - sinh năm: 1975

Địa chỉ: 446/31 - đường Lê I, phường T, thành phố X, tỉnh Z (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân A - sinh năm 1980

Địa chỉ: 806 - đường Trần P, phường T, thành phố X, tỉnh Z (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, anh Mai Văn L có những yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Anh Mai Văn L và chị Nguyễn Thị Xuân A đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X vào ngày 15-11-2004, trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của anh L, chị A hạnh phúc và có với nhau 02 người con; cháu Mai Nguyễn Yên V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009.

Đến năm 2018, công sống hôn nhân của anh L, chị A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn liên quan đến kinh tế, do anh L bị bệnh phải điều trị,

nên không có việc làm từ đó vợ chồng xảy ra xô xát, nhiều lần anh L bạo hành chị Anh..

Nay anh L cho rằng không muốn làm gánh nặng cho vợ con và tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân A, sinh năm 1980; về con: Anh L, chị A có hai con chung là cháu Mai Nguyễn Yên V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009. Cháu V đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu B, anh L nhường quyền cho chị A trực tiếp nuôi con; về tài sản chung, nợ chung anh L và chị A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân A trình bày: Chị A xác nhận cuộc sống hôn nhân như anh L trình bày là đúng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2022, chị Anh và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; anh L đã bỏ nhà đi và có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị A không đồng ý, chị A muốn đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con.

Về con: Chị A và anh L có với nhau hai người con; cháu Mai Nguyễn Yên V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị A đồng ý nuôi con cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Mai Nguyễn Yên V đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều: Điểm a khoản 2 Điều 227, 228,239,254 và Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con: Chị A và anh L có với nhau hai người con; cháu Mai Nguyễn Yên V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009. Cháu V trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét; giao cháu Mai Nguyễn Thái B cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNST: Anh Mai Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn anh Mai Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân A.

Các đương sự hiện cư trú thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Mai Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân A có đơn xin giải quyết vắng mặt (BL19, 20); Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Mai Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân A.

[2] Về nội dung: Năm 2004, anh Mai Văn L và chị Nguyễn Thị Xuân A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh L và chị A là đúng quy định của pháp luật.

Anh L cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do cuộc sống hôn nhân của anh L, chị A phát sinh nhiều mâu thuẫn; anh L cho rằng do bị bệnh, không có việc làm từ đó trong gia đình phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần anh L có hành vi bạo hành đối với chị A

Chị A xác nhận về điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn như anh L trình bày là đúng nhưng chị A không đồng ý ly hôn vì muốn gia đình đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh L, chị A cư trú, sinh sống cho biết; anh L và chị A có xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân cụ thể thì không nắm rõ tổ dân phố, khu phố chưa lần nào hòa giải. Đầu năm 2023, anh L đã chuyển về nhà mẹ cư trú, sinh sống, cháu B hiện do chị A nuôi dưỡng.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Mai Văn L và chị Nguyễn Thị Xuân A là có thật, như chị A và chính quyền nơi chị A, anh L cư trú, sinh sống cho biết.

Hội đồng xét xử xét thấy; cuộc sống hôn nhân giữa anh L, chị A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhiều lần anh L có hành vi bạo hành đối với chị A. Chị A không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L nhưng không chứng minh được cuộc sống hôn nhân vẫn có thể tồn tại; do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Văn L; anh Mai Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân A.

Về con: Anh L chị A có với nhau hai người con; cháu Mai Nguyễn Yến V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009.

Hội đồng xét xử xét thấy; Cháu V trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét; đối với cháu B, chị A có ý kiến nếu ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi con; anh L cũng đồng ý; xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu B tiếp tục giao cháu Mai Nguyễn Thái B cho chị Nguyễn Thị Xuân A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom giáo dục con. Anh L cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị A.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Mai Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Liệt đã nộp theo biên lai thu số 0000622, ngày 05-6-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; anh Liệt đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1] Về hôn nhân tuyên xử: Anh Mai Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân A

[2] Về con: Anh L chị A có với nhau hai người con; cháu Mai Nguyễn Yên V, sinh ngày 22-6-2005 và cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009; cháu Vy đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Giao cháu Mai Nguyễn Thái B, sinh ngày 01-11-2009, cho chị Nguyễn Thị Xuân A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom giáo dục con. Anh L cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị A.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] -Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] -Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] -Án phí HNST: Anh Mai Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu số 0000622, ngày 05-6-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; anh Mai Văn L đã nộp xong án phí.

[6] -Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phường(06 cũ) nay là phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc

